

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 06/6/2019.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Ngô Văn Tuyền.

Chức vụ: Cán bộ hưu trí xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2/. Bà Mỏ Măng.

Chức vụ: Chủ tịch hội phụ nữ xã Ea Hiu, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thị Lường.

Chức vụ: Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 06/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 408/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2018. Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 20/5/2019.

Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ái M Sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Trần Xuân B Sinh năm: 1981

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, tại bản tự khai ngày 28/01/2019, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Trần Xuân B vào năm 2006 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 8/10/2006. Sau khi kết hôn, những năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, ông B thường hay uống rượu về chửi bới, xúc phạm và có đánh đập tôi. Tôi đã nhờ ban tự quản thôn hòa giải nhưng ông B vẫn tính nết như vậy.

không chịu thay đổi. Vì vậy, đến đầu năm 2017 tôi đã bỏ nhà đi làm thuê và sống ly thân với ông B từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tôi có nguyện vọng về tình cảm là yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để cho tôi được ly hôn với ông Trần Xuân B.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và ông Trần Xuân B có 03 (Ba) con chung, các cháu tên là: Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/9/2007, cháu Trần Huy H, sinh ngày 16/8/2011 và cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay các con đang sinh sống cùng với ông Trần Xuân B, tôi nhận thấy tôi không có điều kiện nuôi con nên tôi đồng ý giao các con cho ông B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Tôi không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2019, bị đơn ông Trần Xuân B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị Ái M vào năm 2006 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/10/2006. Sau khi kết hôn, những năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc làm ăn không thuận lợi, kinh tế gia đình sa sút. Bà M không thông cảm và chia sẻ cùng tôi mà còn trách móc nên vợ chồng tôi thường xảy ra cãi vã nhau, do bức tức tôi có đánh bà M. Bà M đã bỏ nhà đi và sống ly thân với tôi từ đầu năm 2017 đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị Ái M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với tôi thì tôi có nguyện vọng về tình cảm là mong muốn bà M quay về chung sống với tôi để gia đình được đoàn tụ, cùng nuôi dạy con cái. Tôi không đồng ý ly hôn với bà M.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và bà Nguyễn Thị Ái M có 03 (Ba) con chung, các cháu tên là: Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/9/2007, cháu Trần Huy H, sinh ngày 16/8/2011 và cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay các con đang sinh sống cùng tôi. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị Ái M được ly hôn với tôi thì tôi có nguyện vọng xin được tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung là cháu Trần Thị Như Y, cháu Trần Huy H và cháu Trần Hoàng T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ái M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt thông báo thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng ông Trần Xuân B không đến Tòa án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vắng mặt đối với bị đơn ông Trần

Xuân B. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Trần Xuân B vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái M vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn ông Trần Xuân B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vi phạm các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái M có nguyện vọng yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để cho bà M được ly hôn với ông B. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà M, ông B đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho bà Nguyễn Thị Ái M được ly hôn với ông Trần Xuân B.

- Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/9/2007, cháu Trần Huy H, sinh ngày 16/8/2011 và cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 19/11/2012 cho ông Trần Xuân B trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Ái M và phù hợp với nguyện vọng của các cháu Trần Thị Như Y và cháu Trần Huy H.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ái M được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ái M đề ngày 03/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 20/5/2019 cho bị đơn ông Trần Xuân B. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Xuân B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Xuân B.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Xuân B quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 18/10/2006. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông B là hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Cho đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình bà M, ông B khó khăn, ông B thỉnh thoảng đi uống rượu với bạn bè rồi về nhà có lời qua tiếng lại với bà M, lúc bức xúc ông B có đánh bà M. Vợ chồng bà M, ông B đã được ban tự quản thôn B, xã H can thiệp, hòa giải nhưng sau thời gian khoảng 02 tháng thì lại xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, bà M đã bỏ nhà đi làm ăn và sống ly thân với ông B từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Qua xác minh, làm việc với ban tự quản thôn B, xã H, huyện K đã xác định: Ông Trần Xuân B có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang làm ăn sinh sống tại thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng ông B, bà M chung sống với nhau vào năm 2006, trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng ông B, bà M sống hạnh phúc. Nhưng từ khoảng năm 2016 thì vợ chồng ông B, bà M xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, ông B thỉnh thoảng đi uống rượu với bạn bè rồi về nhà có lời qua tiếng lại với bà M, lúc bức xúc ông B có đánh bà M. Bà M đã yêu cầu ban tự quản thôn B, xã H can thiệp, hòa giải và tiếp tục chung sống với nhau được khoảng 02 tháng sau lại xảy ra mâu thuẫn. Bà M đã bỏ nhà đi làm ăn và sống ly thân với ông B từ đầu năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà M, ông B đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái M. Cho bà Nguyễn Thị Ái M được ly hôn với ông Trần Xuân B.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Xuân B có ba con chung, các cháu tên là Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/9/2007, cháu Trần Huy H, sinh ngày 16/8/2011 và cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 19/11/2012.

Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với ông Trần Xuân B, ông B có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung là cháu Trần Thị Như Y, cháu Trần Huy H và cháu Trần Hoàng T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông B không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị Ái M có

nguyện vọng giao các con chung cho ông Trần Xuân B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao các cháu: Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/9/2007, cháu Trần Huy H, sinh ngày 16/8/2011 và cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 19/11/2012 cho ông Trần Xuân B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Trần Thị Như Y, Trần Huy H, Trần Hoàng T đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của ông B, bà M cũng như nguyện vọng của các cháu Trần Thị Như Y, Trần Huy H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ái M được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ái M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ái M được ly hôn với ông Trần Xuân B.

[2] Về con chung: Giao các cháu là Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/9/2007, cháu Trần Huy H, sinh ngày 16/8/2011 và cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 19/11/2012 cho ông Trần Xuân B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Trần Thị Như Y, Trần Huy H và cháu Trần Hoàng T đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ái M được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà bà Nguyễn Thị Ái M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0009674, ngày 27/12/2018.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trần Xuân B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự;
- UBND xã H.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hồng Trường